

THÀNH HỒ Ở PHÚ YÊN VÀ MỐI LIÊN HỆ VỚI CÁC DI TÍCH CHAMPA

HO CITADEL IN PHU YEN PROVINCE AND IT'S RELATIONSHIP WITH OTHER RELICS OF CHAMPA

QUẢNG VĂN SƠN^(*)

TÓM TẮT: Thành Hồ ở Phú Yên được biết đến đầu tiên trong cuốn “Đại Nam nhất thống chí” với cái tên thành cổ An Nghiệp. Thành Hồ đóng một vai trò như là trung tâm quyền lực về kinh tế, văn hóa - xã hội, tôn giáo, chính trị trong khu vực. Cùng với thành Hồ, các di tích văn hóa Champa trên địa bàn tỉnh Phú Yên còn khá nhiều, phần lớn đều là phế tích. Những năm gần đây nhiều tác giả nghiên cứu về thành Hồ nhưng chưa xem xét vị thế, mối quan hệ thành Hồ với văn hóa Champa, và khu vực lân cận (tiểu quốc Kauthara). Bằng góc nhìn khảo cổ học, bài viết sẽ trình bày tổng quan di tích thành Hồ ở Phú Yên và xem xét mối quan hệ với các di tích Champa trong khu vực thuộc tiểu quốc Kathaura - Champa ở miền Trung Việt Nam.

Từ khóa: thành Hồ ở Phú Yên; Khauthara - Champa; mối quan hệ; các di tích khác.

ABSTRACT: The Ho citadel in Phu Yen province was first known in "Dai Nam nhat thong chi" with the name An Nghiep ancient citadel. Ho citadel plays a role as a powerful center of economy, culture, society, religion, and politics in the region. Along with Ho citadel, there are quite many other cultural relics of Champa in Phu Yen province, but most of them are ruins. In recent years, many authors have studied the Ho citadel but have not yet considered the position and relation of Ho citadel with Champa culture, and its vicinity (Kauthara belonging Kingdoms). From the archaeological perspective, this article presents an overview of Ho citadel relic in Phu Yen and considers its relation to the Champa relics in the region of Kathaura-Champa state in central Vietnam.

Key words: Ho citadel in Phu Yen; Khauthara-Champa; realation; other relics.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vương quốc Champa tọa lạc ở miền Trung Việt Nam từ thế kỷ II đến đầu thế kỷ XIX, địa bàn kéo dài từ Đèo Ngang đến Bình Thuận. Tỉnh Phú Yên và thành Hồ thuộc tiểu quốc Khauthara-Champa. Vùng đất Phú Yên hiện tại còn lưu lại nhiều dấu tích, di vật thuộc văn hóa Champa như: Tháp Nhạn, thành Hồ, phế tích tháp Núi Bà, phế tích tháp Phú Lâm, phù điêu Phật Tuy Hòa, phù điêu Phật đất nung chùa Hồ Sơn... Những di tích này có giá trị đặc sắc, đặc biệt là thành Hồ. Chính vì thế, việc nghiên cứu

văn hóa Champa ở tỉnh Phú Yên nói chung và thành Hồ nói riêng là một công việc cần thiết nhằm góp phần vào việc giữ gìn, phát huy giá trị của di tích trong đời sống văn hóa đương đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Quá trình nghiên cứu và phát hiện

Sách “Đại Nam nhất thống chí” của Quốc sử quán triều Nguyễn, trong phần trình bày về đạo Phú Yên có giới thiệu về thành Hồ như sau: “Thành cổ An Nghiệp ở phía bắc sông Đà Diễn, thuộc xã An Nghiệp huyện Tuy Hòa, chu vi 1400 trượng; tương truyền do người Chiêm

^(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, sonputra@gmail.com, Mã số: TCKH22-08-2020

Thành xây, tục gọi thành Hồ. Năm Mậu Dần (1578) đời Thái Tôn bản triều, Quận công Lương Văn Chánh đánh lấy được thành này, nay vẫn còn nền cũ”, [15, tr.87]. Sách “Đại Nam nhất thống chí” cũng có ghi chép về Lương Văn Chánh như sau: “Lương Văn Chánh người huyện Tuy Hòa, đầu bản triều làm chỉ huy sứ, đánh được nước Chiêm Thành thăng Phụ quốc Thượng Tướng quân, sau làm Tham Tướng dinh Trấn Biên, có công chiêu tập dân phiêu tán khai khẩn ruộng hoang, chết tặng Quận công, phong phúc thần” [14, tr.93-94].

Năm Tân Hợi (1611), Nguyễn Hoàng mở rộng lãnh thổ, lấy đất từ đèo Cù Mông đến núi Đá Bia (Thạch Bi), lập phủ mới là phủ Phú Yên, gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa thuộc dinh Quảng Nam. “*Đại Nam thực lục*” ghi về sự kiện này như sau: “*Tân Hợi, năm thứ 54 (1611), bắt đầu đặt phủ Phú Yên. Bấy giờ quân Chiêm Thành xâm lấn biên giới. Chúa sai chủ sự là Văn Phong (không rõ họ) đem quân đi đánh lấy được (đất ấy), bèn đặt làm một phủ, cho hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa lệ thuộc vào. Nhân sai Văn Phong làm lưu thủ đất ấy*” [14, tr.36].

Năm 1909, Henri Parmentier đã công bố việc khảo sát di tích thành Hồ trong công trình “*Thống kê khảo tả các di tích Chăm ở Trung kỳ*”. Ngoài phần mô tả, ông còn thực hiện bản vẽ thành, theo mô tả của H.Parmentier: thành Hồ nằm bên tả ngạn sông Đà Rằng, cách cửa sông Đà Rằng độ 15km. Tòa thành hình vuông, cạnh 600m được xây chính hướng, mặt thành nam bị mất một phần do sông xói lở. Khoảng tam giác nằm giữa ngọn núi được bảo vệ bởi một bức tường thành xuyên dọc sườn đồi. Thành có hào rộng 30m bảo vệ mặt tường bắc và đông khá cao, mặt tường còn lại rộng 3-5m. Chỉ mặt được núi bảo vệ là không có tháp canh. Mặt thành phía bắc có 6 tháp canh, mặt thành phía đông có 7 tháp canh, kể cả tháp ở góc. Mặt nam đã bị sụp lở, vẫn còn giữ ở góc tây hai cái ụ, trong đó có một cái ụ khá quan trọng, ở góc thành, có thể được làm chòi cảnh giới mặt

sông. Về cửa thành, mặt đông gần chỗ xẻ để nước vào, trông như là có 1 cổng, mặt bắc có 2 cổng, ở hai đầu mặt tây của tòa thành chính hình vuông có hai cổng, ở dãy rào bên ngoài mặt tây gần góc tây nam có 1 và có thể là 2 cổng. Gạch xây thành rất lớn, dày hơn 0.10m, màu đỏ thẫm có khi tím. Công trình được bổ sung hoàn chỉnh bằng di tích Phước Tịnh, nằm trên trục bắc nam bên kia sông Đà Rằng và bằng một ngọn tháp, nằm trên trục đông tây, ở trên quả đồi tiếp theo bức tường xiên, vị trí này được nhận ra nhờ nhiều gạch vỡ đỏ [9, tr.10-11], [2].

Về sau, các tác giả Việt Nam đều quan tâm nghiên cứu, đề cập và bổ sung thêm tư liệu về thành Hồ như Nguyễn Đình Tư, 1965, Non nước Phú Yên; Ngô Văn Doanh, 1994, Tháp cổ Champa sự thật và huyền thoại, cổ Giáo sư Trần Quốc Vượng, 2001, tư liệu khảo sát thành Hồ, Nguyễn Danh Hạnh, 2010, “thành Hồ chứng tích của một nền văn hóa cổ” ...

Như vậy, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu nhưng giữa các nhà nghiên cứu đã có những quan điểm khác nhau trong việc định niên đại cho di tích thành Hồ. Những ý kiến của các nhà nghiên cứu đều dựa vào các căn cứ vật chất (hiện vật) mà họ tìm được trong quá trình khảo sát hay dựa vào các nguồn thư tịch cổ. Đến nay, vấn đề niên đại có hai quan điểm như sau:

Quan điểm cho rằng thành Hồ có niên đại sớm, từ thế kỷ II đến thế kỷ thứ V, thuộc vào giai đoạn đầu của việc hình thành nhà nước Champa.

Quan điểm cho rằng thành Hồ có niên đại muộn hơn, khoảng thế kỷ XII và được sử dụng kéo dài đến thế kỷ XVI, thuộc nửa cuối của sự tồn tại nhà nước Champa.

Những ý kiến đã nêu, cần có những kết quả khai quật khảo cổ tiếp theo mới làm sáng tỏ được.

2.2. Mối liên hệ giữa thành Hồ và các di tích văn hóa Champa trên địa bàn Phú Yên

Cùng với thành Hồ, các di tích văn hóa Champa trên địa bàn tỉnh Phú Yên hiện nay còn lại khá nhiều nhưng phần lớn ở dạng phế tích vì

thể việc nhận dạng các mối quan hệ của chúng gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, với những dấu vết còn lại trên địa bàn, cộng với việc đối sánh với các di tích còn tương đối nguyên vẹn ở miền Trung vẫn cho phép chúng ta phát dựng những mối quan hệ cơ bản giữa thành Hồ và hệ thống di tích văn hóa Champa ở tỉnh Phú Yên. Tư liệu vật chất cho thấy: thành Hồ và các di tích văn hóa Champa ở khu vực này có mối quan hệ đa chiều và đa tính chất. Đó là mối quan hệ giữa thành Hồ với các di tích trên địa bàn dưới góc độ không gian và thời gian.

Khi so sánh mối tương quan giữa di tích thành Hồ với các di tích văn hóa Chăm ở Phú Yên, phần lớn các di tích đều tập trung ở đồng bằng Tuy Hòa và nằm đối xứng với nhau hai bên bờ sông Đà Rằng. Gần cửa biển về phía bắc có di tích tháp Nhạn và di tích bia Chợ Dinh, ở bờ Nam có di tích tháp Đông Tác. Đi về phía tây đối diện với di tích thành Hồ ở bờ Bắc là di tích tháp Bà ở bờ Nam. Đây là những di tích được xây dựng trong nhiều thời kỳ khác nhau. Di tích bia Chợ Dinh có niên đại vào khoảng thế kỷ IV; di tích tháp Nhạn có niên đại vào khoảng thế kỷ IX; di tích tháp Bà có niên đại vào khoảng thế kỷ XII-XIV. Chúng ta thấy rằng, nó phát triển liên tục và lâu dài của nền văn hóa Champa ở Phú Yên. Trong đó di tích thành Hồ đóng vai trò như là trung tâm của đồng bằng Tuy Hòa. Do đó di tích thành Hồ có thể xem là đầu mối quan trọng để tìm hiểu lịch sử vùng đất Phú Yên, nhất là những thế kỷ đầu Công nguyên đến thế kỷ XIV, XV.

Cũng xin nói thêm Núi Chùa Bà, là tên của một quả đồi cao chừng 50-60m nằm sát ngay bên bờ hữu ngạn sông Đà Rằng thuộc địa phận thôn Mỹ Thạnh Đông, xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (cách Thành phố Tuy Hòa 11km về phía tây nam. Từ Núi Chùa Bà, phía đối diện thuộc tả ngạn (phía bắc) của dòng sông, có mồm núi cao tên là Dinh Ông. Một sự đối xứng hoàn hảo: bên Tả - bên Hữu, Ông - Bà, Bắc - Nam, Đền (hay dinh) - Chùa. Núi Dinh Ông nằm ở phía

trên (phía tây) của thành Hồ (tòa thành cổ của Champa), sát quốc lộ 25 (tỉnh lộ 7 trước đây).

Sở dĩ núi có tên Dinh Ông là vì bên sườn núi, có đền thờ Cao Các, vị tướng của Lương Văn Chánh đã tử trận khi đánh thành Hồ vào cuối thế kỷ XVI. Còn núi đối diện có tên Núi Bà, vì trên núi có ngôi chùa thờ Bà của người Việt. Chùa là của người Việt, những vị thần được thờ và tượng thờ chính trong chùa là tượng một nữ thần có ba đầu, sáu tay của người Chăm xưa. Cả hai di tích đối diện nhau qua dòng sông Đà Rằng, đều nằm trong khu di tích cổ của Vương quốc Champa.

Thêm một bằng chứng về khu di tích Núi Bà được ông H.Parmentier mô tả: “Đối diện với thành Hồ, ở bên kia sông Đà Rằng chảy men thành, có một cái gò cây cối rậm rịt cao từ 50-60m. Gò thuộc một ngôi chùa gọi là Chùa Bà và nằm trong địa phận làng Phước Tịnh, tổng Hòa Bình, phủ Tuy Hòa. Trên đỉnh gò, còn vết tích một ngôi đền Chăm. Kiến trúc xưa còn lại có những đồng gạch hỗn độn, những phiến đá trang trí và tượng thần của ngôi đền thì được tập trung trong ngôi chùa của người An Nam cũng xây bằng gạch Chăm. Chỉ có những phiến đá này là đáng lưu ý” [10, tr.282-286]. Những hiện vật đáng lưu ý mà ông H.Parmentier mô tả như sau:

“Một phiến đất nung dày 0.04 m, cao và rộng 0.28 m x 0.21 m, đã bị vỡ thành mảnh, nhưng vẫn còn đủ các phần. Trên mặt chính có một hình Phật ngồi trên đài sen trước một cái tán tạo bởi hình rắn Naga; hai bên hình Phật, có hai cây tháp mảnh để dựng trên những con thú (không nhận ra chủng loại gì). Hình người ngồi xếp bằng, hai bàn tay đặt trong lòng; đầu và sọ nhọn lên, có thể là Usnisa (chòm sọ của Phật), có thể là một kiểu mũ kéo dài lên. Hình người không đeo một vật trang sức nào. Trên lưng của phiến đất nung có một dòng chữ.

Một trán cửa hình lá nhĩ bằng đá của một khám giả (cao 0.47m, rộng 0.75m, dày 0.13m)

có đầu hình sư tử chạm nổi sà sỡ với nanh to và mắt cuốn thành sừng.

Một pho tượng đứng gắn vào một tấm bia có trang trí ở mặt sau (rộng 0.40m, cao 1.30m, dày 0.25m). Tượng đứng thẳng, mặc ở phía dưới một sampot (váy quần), ở phía trên một chiếc áo lót có dải ngang, đội trên đầu một Mukuta (mũ giữ tóc), có nhiều hình trang trí trên thân tượng, có một dải Balamôn vắt chéo. Tượng mang nhiều đồ trang sức.

Một trán cửa hình lá nhĩ bằng đá (rộng 0.65m, cao 0.85m, và dày 0.23m ở chỗ có hình chạm) chạm hình người thể hiện nữ thần Lakshmi bốn tay ngồi xếp bằng trên một cái đệm bằng lá sen. Nữ thần có thân hình mảnh và dài, có cặp vú nhô cao; đôi tay dang trước song song với đùi, cầm búp sen; đôi tay dang sau đưa lên cao gần bằng vai, cầm chiếc tù và ở tay trái và chiếc đĩa rồng ở tay phải; đầu đội một Mukuta cao và nhọn; thân mặc một chiếc áo lót mỏng dính vào người làm nổi chòm nhọn của cặp vú; đôi chân khoác một tấm sarong (vải quần làm váy) với vạt trước gấp nếp. Tượng đeo nhiều đồ trang sức, trong đó có thể thấy những chuỗi vòng đeo ở thùy tai căng dài.

Một hình tượng đục trên một phiến đá có khắc chữ (rộng 0.40m, cao 0.85m, dày 0.24m ở chỗ chạm hình người). Tượng người là thần Shiva ngồi trên bò Nandin với chân trái để thông, chân phải co gập lên xếp bằng. Các tay gập lại, tay phải cầm kiếm, tay trái đưa ra xa ngực và cầm một cái đinh ba. Giữa trán có một dấu dọc hình hạnh nhân thể hiện con mắt thứ ba của thần. Một dải Balamôn hình con rắn vắt bắt chéo trước ngực. Đầu đội một Mukuta hai tầng, phía trước trang trí hình ngọc. Y trang phục gồm một chiếc áo lót thêm viền ở cổ, một chiếc sampot có vạt trước lớn, thắt lưng rộng đeo tua có bốn hạt ngọc và nhiều đồ trang sức. Con bò Nandin được tạc thô như thường lệ, cổ đeo vòng nhạc, đuôi quắp ra trước. Trên lưng phiến đá và ở chính giữa bia ký có ba lỗ khá to (có thể là để dùng bắt phiến đá vào một vách đứng).

Tượng thần Ganesa bằng đá đã bị vỡ thể hiện ở tư thế ngồi xếp bằng, tay phải đặt lên đầu gối, tay trái bị vỡ nát nên không thấy được tay có cầm chiếc bát đựng đầu voi hay không. Đầu tượng được tạc khá đẹp, đội một Mukuta nhọn đầu có năm lớp. Có một dải Balamôn vắt chéo trên tấm thân bụng phệ. Đồ trang sức duy nhất còn nhận ra được là những chiếc vòng bằng các hạt ngọc đeo ở bắp tay”.

Ngoài những hiện vật “đáng chú ý” kể trên, ông H.Parmentier còn kể thêm một số hiện vật khác: Một phiến đá hình lá nhĩ lớn (rộng 0.90m, cao 1.20m) có hình người chỉ còn đầu và thân. Đầu tượng đội một Mukuta hai tầng cao, nhọn; Một chậu nước thánh (Yoni) tương ứng với chiếc bệ đá đặt ở trong chùa, trang trí hoa sen và những hạt ngọc nổi lên như những hình vú; Phiến đá có hình hoa sen làm bệ cho chóp tháp bằng đá (cạnh rộng 1m, cao 0.35m); Một bộ phận của phiến đá nóc; Một loại đá điểm góc, trong đó hai chiếc có hình Makara; Một hình bò Nandin ở đỉnh tháp bị vỡ làm hai mảnh.

Một số những hiện vật vừa kể trên có chữ khắc phía sau. Theo H.Parmentier, ở tượng Phật đất nung, có một câu công thức của Phật giáo “Ya dharma” và bốn dòng chữ thuộc thế kỷ VI Saka; tấm bia tượng (hiện vật đáng chú ý thứ ba đã được mô tả ở trên) viết bằng chữ Chăm, có 14 dòng; bi ký trên phiến đá viết bằng chữ Chăm” [10, tr.282-286].

Cuối năm 1990, cán bộ Bảo tàng tổng hợp tỉnh Phú Yên cùng các nhà khảo cổ ở Viện Khảo cổ học đã tiến hành khai quật khu di tích Núi Bà. Các nhà khảo cổ đã làm lộ ra phần móng ngôi tháp nằm chính giữa mặt bằng đỉnh Núi Bà. Móng tháp có bình đồ vuông, mỗi cạnh dài 8.60m và có tường dày 2.30m. Gạch xây móng có màu đỏ son hoặc vàng nhạt được nung già, độ cứng cao. Kích thước gạch thường là 35cm x 15cm x 6cm và 40cm x 19cm x 8cm. Cũng trong đợt khai quật này, Bảo tàng đưa

hầu hết những hiện vật đá Champa của khu di tích Núi Bà về kho để bảo quản [6, tr.54-61].

Các hiện vật đã được đem về có nhiều loại, nhưng đáng lưu ý và có giá trị là một số những hiện vật mà ông H.Parmentier chưa phát hiện ra. Đó là: “Viên đá trang trí góc phần trên thân tháp (hiện vật ký hiệu 90NB:06) dài 1.15m, bản rộng nhất 0.85m, chỗ hẹp nhất 0.45m, dày 0.15m, thể hiện mặt thủy quái Makara nhìn nghiêng; Mảnh phù điêu thể hiện Linga - Yoni bằng đá (ký hiệu 90NB:11) có hình trái tim. Linga được tạc chạy dọc ở chính giữa hình phù điêu và hình Yoni; Phù điêu đá thể hiện thần Garuda nhìn nghiêng. Ngoài ra, Bảo tàng còn đem cất giữ cả những vật liệu xây dựng và các trang trí kiến trúc của ngôi tháp cổ đã đổ nát. Đó là: Bốn trụ cửa bằng đá vuông (rộng từ 0.25m đến 0.35m và dài từ 2.70m đến 3m); Một mi cửa bằng đá dài 2.70m, rộng 0.37m và dày 0.27m; Mười chóp đá với trang trí hình tháp trên các tầng của tháp được tạo dáng như nhau với phần dưới là đế hình vuông, phần trên hình trụ tròn nhô lên từ hai lớp cánh sen (kích thước: cao từ 0.33m đến 0.40m; cạnh đế từ 0.60m đến 0.63m); Một phiến đá hình cánh cung được khắc tạc hoa văn hình lá lật lượn cong (kích thước: dài 0.80m, rộng 0.14m và dày 0.10m); Hai mươi hai hình trang trí điểm góc các tầng tháp bằng đá và bằng đất nung” [10, tr.286-288].

Nếu đem so với những gì mà ông H.Parmentier đã thấy và mô tả, thì hiện nay một số hiện vật quan trọng đã mất: Hình Phật bằng đất nung; Pho tượng đứng gắn với tám bia có chữ phía sau; Lá nhĩ bằng đá có hình nữ thần Lakshmi; Hình thần Shiva ngồi trên bò Nandin được khắc trên một phiến đá có chữ; Tượng thần Ganesa. Tuy vậy, những gì còn lại ở tháp cổ Núi Bà, cho đến nay, vẫn là mảng hiện vật cổ Champa lớn nhất, phong phú nhất của Bảo tàng tổng hợp tỉnh Phú Yên.

Những dấu tích và những hiện vật đã được phát hiện còn chứng tỏ khu vực Núi Bà xưa kia

đã từng là một trung tâm tôn giáo lớn và quan trọng của Champa. Với kích thước tường dày 2.30m và bình đồ vuông lớn (cạnh dài 8.60m), ngôi tháp chính ở Núi Bà xưa phải cao trên 20m, tương đương ngôi tháp chính Pô Krông Girai ở Phan Rang (tường dày 2.14m, cạnh dài 8.20m và chiều cao 22.30m).

Ngôi tháp ở Núi Bà không còn nữa, vì vậy, việc định niên đại cho tòa kiến trúc này, chỉ có cách duy nhất là nghiên cứu phong cách của các thành phần kiến trúc còn lại. Mà một trong những thành phần kiến trúc có nhiều và đã được tìm thấy ở Núi Bà là các hình điểm góc bằng đá. Do có hình dáng giống đuôi chim Phượng, nên người dân địa phương thường gọi các đá điểm góc mà họ phát hiện được ở Núi Bà là những “hình đuôi Phượng”. Chúng tôi đã xem những hình đuôi phượng này và nhận thấy chúng là một khối trang trí đặc có đầu nhọn vênh lên uốn cong về phía trước như một cái móc. Dọc theo hình đuôi phượng có một đường gờ nổi lên. Ngoài ra, ấn tượng về chiếc đuôi phượng còn được nhấn mạnh bằng những chĩa nhỏ nhô ra từ khối móc lớn. Theo các nhà nghiên cứu, những nét vừa mô tả lại là những đặc trưng cơ bản tạo nên kiểu đá điểm góc phổ biến của các tháp cổ Champa thuộc phong cách Bình Định (thế kỷ XII-XIV), những hiện vật trên hiện được trưng bày ở Bảo tàng tỉnh Phú Yên [10, tr.289]. Có thể dễ dàng nhận thấy những đá điểm góc của Núi Bà giống với các đá điểm góc của các ngôi tháp Champa ở tỉnh Bình Định, như các tháp Thủ Thiện, Cánh Tiên và của ngôi tháp Pô Krông Girai ở Phan Rang tỉnh Ninh Thuận.

Trong số những hiện vật thuộc loại này dùng để trang trí cho ngôi tháp ở Núi Bà, có một đầu Makara rất đẹp. Theo nhận xét của Ngô Văn Doanh, đầu Makara này là thành phần bên ngoài của một thanh đá trang trí điểm góc lớn. Trên hình Makara ở Núi Bà, còn giữ lại tất cả những thành tố vốn có của Makara Champa thời kỳ đầu, mà tiêu biểu là các Makara của

phong cách Mỹ Sơn A1 (thế kỷ X) với các nét đặc trưng: có một vòi cuốn về phía trước. Một loạt răng nanh lớn ở hàm trên và một răng nanh ở hàm dưới, mắt tròn mở ra dưới một vòng lông mày biến thành đường nổi cong trang trí, toàn bộ chiếc đầu bị lấn bởi yếu tố trang trí lớn hình ngọn lửa. Thế nhưng, ở Makara Núi Bà, đã có một số thay đổi lớn: chiếc vòi không uốn cong đầu ra mà lại xoắn vào phía trong; một chiếc răng nanh ở hàm trên dài và cong về phía vòi trông như ngà voi; hai chiếc răng nanh (một ở hàm trên và một ở hàm dưới) to và dài ra, làm quăn cả hai làn môi; dưới cằm có bộ râu ngắn; sọ biến mất kéo theo cả việc mất đi cái tai. Rõ ràng, ở Makara Núi Bà, đã diễn ra những thay đổi như ở các hình Makara tiêu biểu của phong cách điêu khắc Tháp Mẫm (hay phong cách nghệ thuật kiến trúc Bình Định), [9], [10]. Tóm lại, qua một số yếu tố trang trí kiến trúc, có thể xác định ngôi tháp cổ Champa ở Núi Bà được xây dựng vào khoảng thời gian từ thế kỷ XII đến XIV (thuộc phong cách kiến trúc Bình Định hay phong cách nghệ thuật Tháp Mẫm).

Thế nhưng, qua những mô tả của H.Parmentier, ba hiện vật lớn là pho tượng đứng gắn vào tấm bia, chiếc lá nhĩ có hình nữ thần Lakshmi (có thể là tượng mà nhân dân địa phương gọi là tượng Bà) và tượng thần Shiva ngồi trên bò Nandin đều có một nét rất chung là cả ba đều mặc một chiếc áo lót mỏng dính vào người. Mà theo các nhà nghiên cứu, chiếc áo lót mỏng dính vào thân mình là một trong những tiêu chí hay đặc điểm quan trọng trong nghệ thuật tạc tượng người của phong cách điêu khắc Tháp Mẫm. Hơn thế nữa, tượng đứng, nữ thần Lakshmi và đầu một hình người khắc trên lá nhĩ đều đội một bộ giữ tóc (Mukuta) cao, nhọn, kiểu đồ đội tiêu biểu của phong cách Tháp Mẫm [9].

Như vậy, có thể nhận thấy khu đền tháp Balamôn giáo ở Núi Bà được xây dựng và tồn tại trong khoảng thời gian từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV. Không chỉ các tác phẩm nghệ

thuật, mà tài liệu bia ký cũng cho chúng ta niên đại tương ứng. Do bị mờ nên không thể đọc được hết các dòng bia ký, rất may là những chữ đọc được lại là những chữ viết về một niên đại: năm 1333 Saka (tức năm 1411 sau Công nguyên) [10, tr.290-291].

Qua những hình tượng thể hiện trên các vật thờ và các vật trang trí đã được biết, như Linga, Yoni, tượng Shiva, hình Lakshmi, tượng Ganesa... có thể nhận thấy tính chất Shiva giáo rất rõ của ngôi đền tháp cổ Champa trên Núi Bà thời xưa.

Thế nhưng, cũng những hiện vật đã được tìm thấy ở Núi Bà còn cho chúng ta những chứng cứ rất xa xưa của di tích Núi Bà. Trong số những hiện vật mà ông H.Parmentier tìm thấy và khảo tả, có một hiện vật có niên đại khá sớm: phiến đất nung có hình Phật ngồi và có chữ phía sau. Theo H.Parmentier, ở hình Phật đất nung này, có một câu công thức của Phật giáo “*Ya dharma*” và bốn dòng chữ thuộc thế kỷ VI Saka (thế kỷ VI và VII Công nguyên). Trong công trình “Nghệ thuật tạc tượng Champa” của mình, J.Boisselier đã xếp bức phù điêu nhỏ đất nung ở Phước Tịnh này vào nhóm những bức tượng Phật giáo Champa thuộc thời kỳ trước thế kỷ VII [10, tr.292].

Gần 100 năm sau khi khu di tích Núi Bà hay Phước Tịnh được phát hiện (tháng 7 năm 1999), nhân dân địa phương tình cờ phát hiện một tác phẩm điêu khắc đá rất đặc biệt ở khu vực gần Núi Bà (thôn Mỹ Thạnh Tây, xã Hòa Phong, huyện Tuy Hòa). Sau khi nghiên cứu kỹ hình khắc, Ngô Văn Doanh cho rằng: tác phẩm điêu khắc đá Mỹ Thạnh Tây là hiện vật cổ Champa thể hiện nội dung Phật giáo và có niên đại khá sớm. Tuy đã bị vỡ mất phần trên, nhưng vẫn dễ dàng nhận ra phiến đá mang hình điêu khắc là phiến đá sa thạch hình trứng, cao 0.97m, rộng 0.65m và dày 0.10m. Trên một mặt của phiến đá, là hình đức Phật ngồi trầm tư trên tấm trải đặt trên bông sen nở xòe. Hình đức Phật bao chiếm toàn bộ phần trên của

phiến đá. Đức Phật được thể hiện ngồi xếp bằng với chân trái gác lên chân phải, người thẳng, hai tay buông xuống đặt trước bụng. Một đường gân nổi cong chạy từ vai này sang vai kia thể hiện vòng hào quang phía sau đầu Phật. Dù những nét khắc vạch nông và thô phác, nhưng vẫn nhận thấy hình đức Phật có đôi tai to với thùy tai chảy dài gần chấm vai, mặt lim dim, mũi ngắn nở rộng ra hai cánh, Tuy đã bị vỡ, nhưng vẫn nhận thấy đầu đức Phật hơi nhon về phía đỉnh đầu. Đức Phật ngồi trầm tư trên một tấm trải cùng với hai hình tháp đối xứng ở hai bên. Cả hai ngôi tháp đều có hình dạng và cấu trúc giống nhau, gồm: đế hình vuông, thân hình tròn, đỉnh hình lọng ô có 10 tán chĩa ra hai bên và hình tròn trên chóp.

Toàn bộ phần dưới của phiến đá mang hình một đóa sen nở xòe, nhô lên đỡ lấy hình đức Phật cùng hai hình tháp tọa lạc trên tấm thảm. Chỉ bằng những nét khắc nông, nhẹ nhàng, uyển chuyển, người nghệ nhân Champa xưa đã làm hiện lên một đóa sen hai lớp cánh: các cánh sen của lớp dưới ngửa, uốn cong xuống, còn các cánh sen của lớp trên xòe ra và hướng lên trên để làm ngai đỡ hình đức Phật. Toàn bộ bông sen đang nở xòe trên đầu một cuộn sen thẳng nhô cao.

Nếu hình bông sen được thể hiện bằng những đường nét khắc và hiện lên như một hình vẽ thì các hình tháp và đức Phật phía trên lại là những hình được thể hiện bằng những khối hình dẹt, phẳng hơi nhô lên khỏi bề mặt phiến đá do phần trống còn lại của bề mặt phiến đá bị đục sâu xuống chừng 1mm. Do vậy, nếu nhìn vào tác phẩm chạm khắc này, sẽ thấy toàn bộ những hình ảnh trên bề mặt phiến đá hiện lên như một bức tranh đồ họa hơn là một tác phẩm phù điêu.

Một điều đặc biệt nữa ở tác phẩm chạm khắc đá Mỹ Thạnh Tây này là tính “thô phác” hay “non kém” trong biểu hiện nghệ thuật tạo hình. Các đường nét và các mảng hình khân cân, và vì điều đó mà hình đức Phật hơi bị mất

cân đối; còn hai hình tháp thì được thể hiện không chỉ không cân xứng mà còn đổ nghiêng xiêu vẹo. Duy chỉ có hình bông sen là được thể hiện thật sinh động và khá khéo léo.

Tất cả những đặc trưng tạo hình ít nhiều mang tính tự nhiên và hơi vụng khiến chúng tôi nghĩ rằng, hình khắc Mỹ Thạnh Tây là một tác phẩm nghệ thuật dân gian. Tính dân gian còn được thể hiện ở chỗ, trên mặt phiến đá bên ngoài các hình ảnh được thể hiện (hình đức Phật, hình hai ngôi tháp và hình đóa sen), và có chữ Sanskrit. Theo chúng tôi, những đặc trưng nghệ thuật của hình khắc đá Mỹ Thạnh Tây có nhiều nét gần với các hình khắc trên các lá vàng tìm thấy trong các di chỉ của văn hóa Óc Eo và ở Cát Tiên thế kỷ VII-VIII.

Như vậy là, những hiện vật vật chất đã được phát hiện ở xung quanh Núi Bà đã chứng tỏ khu di tích này đã từng tồn tại trong một thời gian dài (từ thế kỷ VII-VIII đến thế kỷ XV) và qua hai thời kỳ: thời kỳ là ngôi đền Phật giáo và thời kỳ là đền thờ Balamôn giáo.

3. KẾT LUẬN

Văn hóa Champa - một nền văn hóa đầy bản sắc dân tộc phát triển trong thời gian dài đã tạo nên sắc thái văn hóa riêng biệt trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhìn chung, thành Hồ còn giữ được khá nguyên vẹn cho đến hiện tại trong tổng số các tòa thành cổ của người Chăm. Toàn bộ các bờ tường thành còn khá nguyên vẹn, trừ bờ thành phía nam bị sông Đà Rằng xâm hại, chỉ còn lại một đoạn ngắn. Trong phạm vi nội thành vẫn còn dấu vết của hai khu, khu thành nội và thành ngoại.

Những nhóm di tích Chăm cổ khu vực Núi Bà có mối liên quan mật thiết với nhóm di tích cùng thời ở vùng Phú Hòa (Phú Yên), đặc biệt thành Hồ đã tạo thành một khu vực văn hóa - kinh tế - chính trị có quy mô lớn và quan trọng ở hạ lưu sông Đà Rằng trong những thế kỷ đầu Công nguyên. Chính sự có mặt của những di tích này càng củng cố thêm vị trí quan trọng của lưu vực sông Đà Rằng những thế kỷ trước và sau

Công nguyên cũng như giúp khẳng định chắc chắn hơn thành Hồ là trung tâm hành chính, chính trị, quyền lực và tôn giáo của Lâm Ấp.

Thành Hồ cùng với các di tích văn hóa Chăm khác ở Phú Yên nằm trong tổng thể chung của các di tích Chăm ở miền Trung không chỉ có giá trị về mặt khoa học mà đã trở thành những địa điểm hấp dẫn về mặt du lịch. Thêm vào đó, di tích thành Hồ là một công

trình kiến trúc, quân sự được xây dựng với những tính toán rất kỹ về địa hình cũng như vị trí chiến lược vừa nhìn ra đồng bằng và biển vừa án ngữ vừa bảo vệ lối cửa thông lên vùng cao nguyên rộng lớn và trù phú; nó có giá trị về nhiều mặt, cần được nghiên cứu một cách khoa học, cụ thể để từ đó đưa ra những kế hoạch, phương án hợp lý trong công tác bảo tồn di sản văn hóa của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Văn Thắng, Quảng Văn Sơn, Hoàng Ngọc Hòa, Phạm Thị Trúc Lê, Võ Tấn Hoàng, Đặng Tấn Bình (2009), *Báo cáo thăm dò, khai quật Khảo cổ học di tích thành Hồ (Phú Hòa -Phú Yên) lần thứ IV- 2008 và 2009*, tư liệu Bảo tàng Phú Yên.
- [2] H.Parmentier (1918), *Thống kê khảo tả các di tích Chăm ở Trung Kỳ* (Bản dịch tiếng Việt), tập 2, Paris, tư liệu Viện Khảo cổ học Việt Nam.
- [3] Lâm Thị Mỹ Dung, Nguyễn Anh Thư (2009), *Cổ Lũy - Phú Thọ trong bối cảnh khảo cổ học Champa nửa đầu thiên niên kỷ I Công nguyên*, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1(157).
- [4] *Lý lịch di tích thành Hồ* (2003), tư liệu Bảo tàng Phú Yên.
- [5] Lê Bá Thảo (2003), *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [6] Lê Đình Phụng, Nguyễn Tiến Đông (1992), *Núi Bà - Dấu tích một tháp Champa cổ*, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 3.
- [7] Lê Đình Phụng, Phạm Văn Triệu (2004), *Báo cáo khai quật di tích khảo cổ học thành Hồ (Phú Hòa - Phú Yên)*, Hà Nội, tư liệu Bảo tàng Phú Yên.
- [8] Ngô Văn Doanh (2001), *thành Hồ - cửa ngõ châu Thượng Nguyên (Tây Nguyên) của Champa*, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5.
- [9] Ngô Văn Doanh (2002), *Văn hóa cổ Champa*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [10] Ngô Văn Doanh (2011), *Thành cổ Champa -Những dấu ấn của thời gian*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Danh Hạnh (2010), *thành Hồ chứng tích của một nền văn hóa cổ*, *Tạp chí Thông tin Di sản*, số 5.
- [12] Nguyễn Đình Tư (2004), *Non nước Phú Yên*, in lần thứ 2, Nxb Thanh Niên.
- [13] Pierre-Bernard LAFONT (2011), *Vương quốc Champa-Địa Dư, Dân Cư và Lịch Sử*, International Office of Champa, USA.
- [14] *Quốc Sử quán triều Nguyễn* (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, (Bản dịch) tập 3, Nxb Thuận Hóa.
- [15] Nguyễn Ngọc Tinh (2007), *Quốc Sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 02-01-2020. Ngày biên tập xong: 30-6-2020. Duyệt đăng: 24-7-2020